

Số: 2705/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày 13 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn
thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)**

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn số 1693/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn.

Căn cứ Quyết định của UBND thị xã Bỉm Sơn số 5576/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn tại Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 (kèm theo hồ sơ); của phòng Tài chính-Kế hoạch tại Báo cáo số: 21/BCTĐ-TCKH ngày 9/7/2018 về việc báo cáo thẩm định quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn.

- Địa điểm xây dựng: Phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Thời gian khởi công thực tế: 6/8/2014.

- T/gian hoàn thành thực tế: 29/12/2017.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1-Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số	11.780.832.000	11.088.806.250	692.025.750
Nguồn di tích	11.780.832.000	11.088.806.250	692.025.750

2-Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán duyệt	Chi phí được quyết toán
Tổng số	13.332.903.870	11.780.832.000
Chi phí dựng+thiết bị	11.148.188.211	10.604.173.000
Chi phí QLDA	252.676.214	252.676.000
Chi phí TVĐTXD	728.630.566	728.628.000
Chi phí khác	215.502.698	195.355.000
Dự phòng	987.906.181	0

3-Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình: không

4-Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			11.780.832.000	
1. Tài sản cố định			11.780.832.000	
2. Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1-Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Được phép tất toán nguồn chi phí công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đ)	Ghi chú
Tổng số	11.780.832.000	
Nguồn di tích	11.780.832.000	

Tổng các khoản nợ tính đến ngày 17/5/2018 là: 692.025.750 đ.

***Các khoản phải thu: 0 đ.**

***Các khoản phải trả:**

692.025.750 đ.

1	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải	27.336.000	đ
2	Công ty TNHH Cơ khí và XD công trình Tiến Dũng	334.121.000	đ
3	Công ty CP dịch vụ thương mại Tấn Thành	45.464.000	đ
4	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa	153.690.000	đ
5	Ban QLDA các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn	131.414.750	đ

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Đơn vị: đồng

Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Tổng số	11.780.832.000	0
Ban quản lý các di tích xếp hạng cấp quốc gia thị xã Bỉm Sơn	11.780.832.000	0

3. Trách nhiệm của đơn vị, cơ quan có liên quan: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

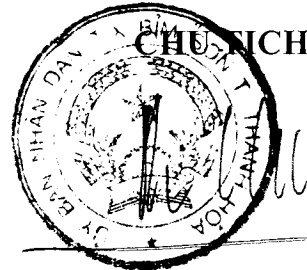
4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Hạch toán theo các chế độ quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, trưởng các phòng QLĐT, Tài chính-Kế hoạch, Trưởng ban quản lý dự án các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn, Trưởng ban quản lý các di tích xếp hạng cấp quốc gia thị xã Bỉm Sơn và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCKH.



Bùi Huy Hùng

Số: 21/BCTĐ-TCKH

Bỉm Sơn, ngày 9 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn
thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm sơn

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ hồ sơ báo cáo quyết toán kèm theo Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Ban quản lý dự án các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt quyết toán Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Sau khi thực hiện thẩm tra theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN:

Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn;

Nguồn vốn: Nguồn di tích và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Địa điểm xây dựng: Phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian thực hiện dự án:

- Thời gian thực hiện theo hợp đồng: KC 06/8/2014, HT 29/12/2017.

- Thời gian thực tế thực hiện: KC 06/8/2014, HT 29/12/2017.

II. HỒ SƠ PHÁP LÝ:

1. Dự án đầu tư:

- Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn số 1693/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2).

Tổng mức đầu tư được duyệt: 13.332.903.870 đồng.

2. Dự toán được duyệt:

- Quyết định của UBND thị xã Bỉm Sơn số 5576/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Tổng dự toán được duyệt:

13.332.903.870 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng + thiết bị:	11.148.188.211,0 đồng
- Chi phí QLDA :	252.676.214,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	728.630.566,0 đồng
- Chi phí khác :	215.502.698,0 đồng
- Chi phí dự phòng:	987.906.181,0 đồng

3. Kế hoạch đấu thầu và kết quả phê duyệt lựa chọn Nhà thầu:

- Quyết định số: 1697/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Quyết định số: 1880/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu xây lắp số 5 Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 89/HĐ-TCXD2014 ngày 04/8/2014 về việc thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 5 Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ Đơn vị trúng thầu: Liên danh Công ty Xây dựng thương mại Nam Hải và Công ty TNHH cơ khí và xây dựng Tiến Dũng;

+ Giá trị trúng thầu: 4.851.969.000 đ;

+ Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

- Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu xây lắp số 6 Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 06/2016/HĐ-TCXD ngày 04/8/2014 về việc thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 6 Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ Đơn vị trúng thầu: Liên danh Công ty Xây dựng thương mại Nam Hải và Công ty TNHH cơ khí và xây dựng Tiến Dũng;

+ Giá trị trúng thầu: 6.150.779.000 đ;

+ Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

- Quyết định số: 941/QĐ-UBND ngày 2/5/2013 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc chỉ định thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 597/2013/HĐ-TVXD ngày 3/5/2013 về việc tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần đầu tư Trúc Bạch;

+ *Giá trị trúng thầu: 357.644.000đ;*

- Quyết định số: 1716/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc chỉ định thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu xây lắp Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 23/2014/HĐTV ngày 17/7/2014 về việc tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu xây lắp Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ *Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Tấn Thành;*

+ *Giá trị trúng thầu: 37.087.634đ;*

- Quyết định số: 1882/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 27/2014/HĐTV ngày 4/8/2014 về việc tư vấn giám sát xây dựng Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ *Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Tấn Thành;*

+ *Giá trị trúng thầu: 289.217.511đ;*

- Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 4/1/2018 của UBND thị xã Bim Sơn về việc chỉ định thầu tư vấn kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

- Hợp đồng số 01/2018/HĐKT-IFCTH ngày 04/01/2018 về việc tư vấn kiểm toán báo cáo quyết toán hoàn thành Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

+ *Đơn vị trúng thầu: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa;*

+ *Giá trị trúng thầu: 153.690.000đ;*

4. Các văn bản pháp lý có liên quan khác:

- Kết luận số 128/KL-SKHĐT ngày 13/01/2016 của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa;

- Kết luận số 725/KL-TTTH ngày 15/7/2016 của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa;

- Báo cáo kiểm toán số 134/2018/BCKT-IFCTH ngày 3/5/2018 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa.

III. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Nguồn vốn đầu tư theo dự án phê duyệt:

Tổng số (Nguồn di tích và huy động khác): 13.332.903.870 đồng;

2. Kế hoạch vốn đã giao:

Tổng số: 11.088.806.250 đồng;

- Nguồn di tích: 11.088.806.250 đồng

3. Nguồn vốn đầu tư thực hiện:

Tổng số: 11.088.806.250 đồng;

- Nguồn di tích: 11.088.806.250 đồng

IV. CHI PHÍ ĐẦU TƯ:

1. Số liệu Chủ đầu tư đề nghị quyết toán:

Tổng số: 12.013.687.804,0 đồng.

- Chi phí xây dựng + thiết bị: 10.855.448.804,0 đồng

- Chi phí QLDA : 252.676.000,0 đồng

- Chi phí tư vấn ĐTXD: 728.628.000,0 đồng

- Chi phí khác : 176.935.000,0 đồng

- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

2. Số liệu thẩm tra:

Tổng số: 11.780.832.000,0 đồng.

- Chi phí xây dựng + thiết bị: 10.604.173.000,0 đồng

- Chi phí QLDA : 252.676.000,0 đồng

- Chi phí tư vấn ĐTXD: 728.628.000,0 đồng

- Chi phí khác : 195.355.000,0 đồng

- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

*** Phân theo nguồn vốn: 11.780.832.000,0 đồng**

- Nguồn di tích: 11.780.832.000 đồng

3. Chênh lệch tăng (+), giảm (-) qua thẩm tra:

Tổng số: -232.856.207,0 đồng

- Chi phí xây dựng + thiết bị: -251.276.207,0 đồng

- Chi phí QLDA : 0,0 đồng

- Chi phí tư vấn ĐTXD: 0,0 đồng

- Chi phí khác : 18.420.000,0 đồng

- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

(Chi tiết có phụ lục số liệu kèm theo)

V. CHI PHÍ ĐẦU TƯ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ TÀI SẢN: 0 đồng

VI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN BÀN GIAO CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG:

1. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: 11.780.832.000,0 đồng

- Tài sản cố định: 11.780.832.000,0 đồng

- Tài sản lưu động: 0,0 đồng

2. Giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng:

Danh mục	Giá trị	Đơn vị QLSD
Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn thị xã Bim Sơn,	11.780.832.000đồng	Ban quản lý các di tích xếp hạng cấp quốc gia

tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)		thị xã Bỉm Sơn
Tổng cộng	11.780.832.000đồng	

VII. CÁC TỒN DỌNG YÊU CẦU GIẢI QUYẾT SAU KHI QUYẾT TOÁN:

1. Nguồn vốn đầu tư còn thiếu, yêu cầu cấp phát thanh toán tiếp:

Tổng số: 692.025.750 đồng

- Nguồn di tích: 692.025.750 đồng

2. Công nợ:

- **Các khoản phải trả:** 692.025.750 đồng

1	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải	27.336.000	đ
2	Công ty TNHH Cơ khí và XD công trình Tiến Dũng	334.121.000	đ
3	Công ty CP dịch vụ thương mại Tấn Thành	45.464.000	đ
4	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa	153.690.000	đ
5	Ban QLDA các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn	131.414.750	đ

- **Các khoản phải thu:** 0 đồng

(Chi tiết có phụ lục chi tiết công nợ kèm theo)

VIII. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ:

1. Hồ sơ báo cáo quyết toán lập đảm bảo các yêu cầu phục vụ công tác thẩm tra.

2. Hồ sơ pháp lý cơ bản chấp hành đúng các quy định, trình tự thủ tục quản lý đầu tư và các quy định hiện hành trong quá trình thực hiện dự án.

3. Công tác quản lý chi phí đầu tư tuân thủ các định mức, đơn giá hiện hành và dự toán được phê duyệt.

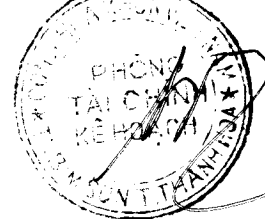
4. Thời gian, tiến độ hoàn thành công trình chậm so dự án được duyệt (do chậm trong GPMB).

Đề nghị UBND thị xã xem xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với những nội dung và số liệu đã báo cáo ở trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Tông Văn Thọ

BẢNG TĂNG GIẢM GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN (DO KHỐI LƯỢNG) SO VỚI GIÁ TRỊ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sông Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá	Thành tiền	Lý do tăng giảm
			Giá trị QT A-B	Chênh lệch			
1	2	3	4	5	7	8	9
I	Gói thầu số 6					-126.174.204	
A	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải					-87.858.896	
	Nhà khách						
	Phần móng+kết cấu phần thân						
1	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp III	m3	110,530	90,061	361.788	-7.405.258	
2	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng <=3m, sâu <=2m, đất cấp III	m3	153,006	124,108	311.870	-9.012.336	
19	Đắp đất nền móng công trình bằng thủ công, độ chặt yêu cầu K=0,95	m3	136,676	87,309	167.716	-8.279.507	
60	Sản xuất xà gò thép	tấn	1,407	0,662	20.898,194	-15.577,624	Xà gò dày 2mm, không có nẹp chống
61	Sơn sắt thép các loại 3 nước	m2	92,530	75,308	49,529	-853,008	
62	Lắp dựng xà gò thép	tấn	1,407	0,662	4.229,846	-3.152,949	
	Phần kiến trúc					0	
3	Xây tường thẳng gạch chỉ 6,5x10,5x22, dày <=33cm, cao <=16m, vữa xi măng M50	m3	64,089	62,139	1.362,287	-2.656,416	Khối lượng bê tông lanh tô chiếm chỗ
59	Lắp dựng các loại cửa khung nhôm	m2	19,376	0,000	90,179	-1.747,308	
62	Lắp dựng vách kính khung nhôm mặt tiền	m2	12,000	0,000	141,118	-1.693,416	
	Phần điện					0	
29	Kéo dài dây CU/PVC 1x16mm2	m	6,000	0,000	63,985	-383,910	
30	Kéo dài dây CU/PVC 1x6mm2	m	150,000	0,000	30,205	-4.530,750	
31	Kéo dài dây CU/PVC 1x4mm2	m	80,000	0,000	23,448	-1.875,840	
32	Kéo dài dây CU/PVC 1x2,5mm2	m	390,000	0,000	17,499	-6.824,610	
47	Tủ điện nhẹ	hộp	1,000	0,000	1.407,449	-1.407,449	
48	Lắp đặt tủ điện nhẹ	hộp	1,000	0,000	114,019	-114,019	
50	Cáp mạng UTP CAT 5	m	230,000	0,000	50,538	-11.623,740	
52	MODEM, SWITCH công	cái	1,000	0,000	100,223	-100,223	

54	Bộ Khuếch đại tiên hiệu 12 tivi		1,000	0,000	-1,000	85,421	-85,421	
55	Bộ chia tín hiệu truyền hình 12 đầu ra	ổ bộ	1,000	0,000	-1,000	959,625	-959,625	
	Kè chắn đất							
1	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	36,960	0,000	-36,960	259,077	-9,575,486	Không có trong thiết
B	Công ty TNHH cơ khí và xây dựng công trình Tiến Dũng						-38,315,309	
	Kè chắn đất + Kè suối							
32	Cung cấp cát đen đến chân công trình	m3	80,870	0,000	-80,870	121,552	-9,829,959	Giá cát đã tính trong đơn giá đóng bao cát
	Nhà dịch vụ số 8A1							
	Phần kết cấu + kiến trúc							
1	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng <=3m, sâu <=1m, đất cấp III	m3	39,611	32,409	-7,202	298,506	-2,149,840	
2	Đắp đất nền móng công trình bằng thủ công, độ chặt yêu cầu K=0,9	m3	13,204	10,803	-2,401	161,290	-387,209	
14	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,752	0,628	-0,123	17,806,598	-2,190,959	
36	Trái xà dầm, vữa XM M75	m2	66,080	62,846	-3,234	111,155	-359,498	
54	Bóc xếp, vận chuyển xi măng các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lớp mái)	tấn	10,000	0,000	-10,000	180,728	-1,807,280	
54	Bóc xếp, vận chuyển cát các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lớp mái)	m3	28,000	0,000	-28,000	178,120	-4,987,360	
57	Bóc xếp, vận chuyển các loại son (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lớp mái)	tấn	0,272	0,000	-0,272	176,752	-48,077	
	Phần điện							
14	Kéo dài dây CU/PVC 1x4mm2	m	104,000	0,000	-104,000	23,448	-2,438,592	
15	Kéo dài dây CU/PVC 1x2,5mm2	m	96,000	0,000	-96,000	17,499	-1,679,904	
	Nhà dịch vụ số 8B							
	Phần kết cấu + kiến trúc							
1	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng <=3m, sâu <=1m, đất cấp III	m3	22,398	18,326	-4,072	297,099	-1,209,901	
2	Đắp đất nền móng công trình bằng thủ công, độ chặt yêu cầu K=0,9	m3	7,466	6,109	-1,357	160,529	-217,906	
54	Bóc xếp, vận chuyển xi măng các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lớp mái)	tấn	5,000	0,000	-5,000	179,877	-899,385	
54	Bóc xếp, vận chuyển cát các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lớp mái)	m3	14,000	0,000	-14,000	177,280	-2,481,920	

57	Bóc xếp, vận chuyển các loại sơn (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lợp mái)	tấn	0,154	0,000	-0,154	175.919	-27.092	
	Phần điện							
14	Kéo dài dây CU/PVC 1x4mm2	m	45,000	0,000	-45,000	23.448	-1.055.160	
15	Kéo dài dây CU/PVC 1x2,5mm2	m	48,000	0,000	-48,000	17.499	-839.952	
	Nhà ghi công đứ số 8C							
	Phần kết cấu + kiến trúc							
1	Đào móng bằng thủ công, rộng <=3m, sâu <=1m, đất cấp III	m3	11,601	9,491	-2,109	297.099	-626.647	
2	Đắp đất nền móng công trình bằng thủ công, độ chặt yêu cầu K=0,9	m3	3,867	3,164	-0,703	160.529	-112.864	
14	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,294	0,242	-0,051	17.722.605	-911.828	
32	Trát xà dầm, vữa XM M75	m2	29,370	24,225	-5,145	110.630	-569.191	
48	Bóc xếp, vận chuyển xi măng các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lợp mái)	tấn	4,000	0,000	-4,000	179.877	-719.508	
49	Bóc xếp, vận chuyển cát các loại (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lợp mái)	m3	12,000	0,000	-12,000	177.280	-2.127.360	
51	Bóc xếp, vận chuyển các loại sơn (chỉ tính phần phát từ cos4m trở lên+lợp mái)	tấn	0,085	0,000	-0,085	175.919	-14.953	
	Phần điện							
66	Kéo dài dây CU/PVC 1x2,5mm2	m	35,000	0,000	-35,000	17.799	-622.965	
II	Gói thầu số 5						-125.102.003	
A	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải						-109.053.285	
	Sân nền							
1	Đào xúc đất bằng máy đào <=0,4m3, và máy ủi <=110CV, đất cấp III để lấy đắp bờ chắn	100m3	0,493	0,000	-0,493	1.630.430	-802.987	Đã tính trong thiết kế sân nền
2	Đắp bờ chắn đất để chuẩn bị sân nền bằng đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,9	100m3	0,493	0,000	-0,493	3.983.987	-1.962.114	Đã tính trong thiết kế sân nền
	Sân bãi đỗ xe+Sân lễ hội							
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <=20m, bằng máy đào <=0,8m3, đất cấp II	100m3	1,698	0,000	-1,698	1.681.701	-2.855.528	Tính thừa khối lượng
2	Vận chuyển đất bằng ô tô 7T tự đổ, phạm vi <=1000m, đất cấp III	100m3	1,698	1,000	-0,698	2.615.805	-1.825.832	Tính thừa khối lượng
3	Vận chuyển tiếp 3 km bằng ô tô 7T tự đổ, phạm vi <=4km, đất cấp III	100m3	1,698	2,000	0,302	2.746.594	829.471	Tính thừa khối lượng

CHI TIẾT CÔNG NỢ

Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)
(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm định QT vốn đầu tư hoàn thành số /BCTD-TCKH ngày /6/2018)
Đơn vị tính: đồng

TT	Diễn giải	Giá trị được quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ	
				Phải trả	Phải thu
	Tổng cộng	#####	11.088.806.250	692.025.750	0
1	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải	7.373.038.000	7.345.702.000	27.336.000	
2	Công ty TNHH Cơ khí và XD công trình Tiên Dũng	3.231.135.000	2.897.014.000	334.121.000	
3	Công ty CP đầu tư Trúc Bạch	357.644.000	357.644.000	0	
4	Sở Xây dựng Thanh Hóa	44.680.000	44.680.000	0	
5	Công ty CP dịch vụ thương mại Tân Thành	326.304.000	280.840.000	45.464.000	
6	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa	153.690.000		153.690.000	
7	Ban QLDA các công trình di tích thị xã Bỉm Sơn	294.341.000	162.926.250	131.414.750	
	- Chi quản lý dự án	252.676.000	162.926.250	89.749.750	
	- Tham tra phê duyệt quyết toán	41.665.000		41.665.000	



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sông Sơn, thị xã Bìn Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)
(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm định QT vốn đầu tư hoàn thành số /BCTD-TCKH ngày /6/2018)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục	Dự toán duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán	Số liệu thẩm tra	Chênh lệch	
					Tổng cộng	Do khối lượng Do giá và nguyên nhân khác
	Tổng số: I+...+VI	13.332.903.870	12.013.687.804	11.780.832.000	-232.856.207	18.420.000
I	Chi phí xây dựng+thiết bị	11.148.188.211	10.855.448.804	10.604.173.000	-251.276.207	
1	Gói thi công xây lắp số 5		4.665.455.307	4.540.353.000	-125.102.003	
1.1	Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng công trình Tiến Dũng		1.351.262.956	1.335.214.000	-16.048.719	
1.1	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải		3.314.192.351	3.205.139.000	-109.053.285	
2	Gói thi công xây lắp số 6		6.189.993.497	6.063.820.000	-126.174.204	
2.1	Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng công trình Tiến Dũng		1.934.235.981	1.895.921.000	-38.315.309	
2.1	Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Hải		4.255.757.516	4.167.899.000	-87.858.896	
II	Chi phí quản lý dự án	252.676.214	252.676.000	252.676.000		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	728.630.566	728.628.000	728.628.000		
1	Khoan khảo sát địa chất	21.754.064	21.754.000	21.754.000		
2	Lập BCKTKT	335.890.113	335.890.000	335.890.000		
3	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	22.670.779	22.670.000	22.670.000		
4	Thẩm tra dự toán công trình	22.010.465	22.010.000	22.010.000		
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT	37.087.634	37.087.000	37.087.000		
6	Giám sát thi công XD	289.217.511	289.217.000	289.217.000		
IV	Chi phí khác	215.502.698	176.935.000	195.355.000	18.420.000	18.420.000
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	25.270.000	23.245.000	41.665.000	18.420.000	18.420.000
2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	1.000.000				
3	Chi phí kiểm toán	153.690.000	153.690.000	153.690.000		
4	Chi phí thẩm định TKB/TC	2.527.000				
5	Chi phí Bảo hiểm công trình	33.015.698				
V	Dự phòng phí	987.906.181				

CÁN BỘ THẨM TRA

Lại Thế Chính

Bìn Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2017
TRƯƠNG NIỀNG
(Chữ ký và dấu)
Trưởng Văn Tho